LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1656 /LĐTM - BTT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ Công ty TNHH MTV Sở hữu trí tuệ VCCI

BAN THƯỜNG TRỰC LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1496/QĐ-TTg ngày 30/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên và phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Kết luận số 1307/KL-BTT ngày 26/7/2024 của Chủ tịch VCCI tại cuộc họp của Ban Thường trực 22/7/2024;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Tổ chức Cán bộ tại Tờ trình số 266/TTr-TCCB ngày 20/8/2024 và đề nghị của Chủ tịch Công ty TNHH MTV *Sở hữu trí tuệ VCCI tại Tờ trình số 0282/TTr-SHTT ngày 16/9/2024,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI–IP).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 0369/PTM-TCCB ngày 02/02/2007 của Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về phê duyệt Điều lệ Công ty TNHH MTV Sở hữu trí tuệ VCCI.

Điều 3. Tổng Thư ký, Chánh Văn phòng cơ quan VCCI, Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ, Chủ tịch Công ty TNHH MTV Sở hữu trí tuệ VCCI và Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan VCCI chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Ban Thường trực (để b/c);
- VP Đảng đoàn, VP Đảng ủy, Công đoàn VCCI;
- Lưu VT, TCCB.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH

Phạm Tấn Công

LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VCCI

(Kèm theo Quyết định số 1656 /LĐTM-BTT ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên, trụ sở chính của công ty

1. Tên công ty

a) Tên tiếng Việt:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VCCI

b) Tên tiếng Anh:

VCCI INTELLECTUAL PROPERTY SOLE MEMBER COMPANY LIMITED

c) Tên viết tắt: VCCI-IP CO., LTD.

2. Trụ sở chính

- Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà VCCI, số 9 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Mã số thuế: 0100113127

- Điện thoại: (84.24) 3577 1365

- Fax: (84.24) 3577 1563

- Email: patent@vcci-ip.com; trademark@vcci-ip.com

- Website: http://www.vcci-ip.com

Điều 2. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (dưới đây gọi là "Công ty" hoặc "công ty") là doanh nghiệp do một tổ chức là Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (dưới đây gọi là "VCCI") làm chủ sở hữu nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

3. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

4. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

5. Công ty chịu sự quản lý của VCCI và của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động

Hoạt động kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu đầu tư vào công ty; Đại diện, tư vấn cho các doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài xác lập, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ tại Việt Nam và các nước trên thế giới; Phấn đấu, duy trì vị thế là một trong những đại diện sở hữu trí tuệ hàng đầu Việt Nam.

2. Ngành, nghề kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

a. Dịch vụ đại diện quyền sở hữu công nghiệp;

b. Tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan;

c. Dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng;

d. Tư vấn chuyển giao công nghệ.

2.2. Ngành, nghề kinh doanh khác:

a. Tư vấn đầu tư ở trong nước và nước ngoài;

b. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

2.3. Tùy từng thời điểm và tình hình kinh doanh, công ty có thể bổ sung các ngành, nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm sau khi được VCCI chấp thuận bằng văn bản.

Điều 4. Chủ sở hữu công ty

1. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là pháp nhân Việt Nam và là chủ sở hữu của công ty.

a) Tên tiếng Việt:

LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

b) Tên tiếng Anh:

VIETNAM CHAMBER OF COMMERCE AND INDUSTRY

c) Tên viết tắt: VCCI

2. Trụ sở chính: Số 9, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: (84.24) 3574 2022 - Fax: (84.24) 3574 2020

- Email: vcci@vcci.com.vn

- Website: www.vcci.org.vn; www.vcci.com.vn

Điều 5. Vốn điều lệ và tăng, giảm vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ: **800.000.000 đồng VN** ***(Tám trăm triệu đồng Việt Nam).***

2. Tăng, giảm vốn điều lệ:

a) Công ty tăng vốn điều lệ thông qua việc VCCI góp thêm vốn hoặc huy động thêm vốn góp của tổ chức, cá nhân khác. VCCI quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ;

b) Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm vốn góp của tổ chức, cá nhân khác, Công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần. Việc tổ chức quản lý công ty được thực hiện theo quy định pháp luật;

c) Công ty giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

- Hoàn trả một phần vốn góp cho VCCI nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả phần vốn góp cho VCCI;

- Vốn điều lệ không được VCCI thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động trong công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động trong công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ, quy định của các tổ chức đó.

3. Công ty tạo điều kiện để tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ, quy định của các tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.

2. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.

3. Thành lập, tổ chức, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo các quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

4. Thành lập liên doanh với các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài khi được sự chấp thuận của VCCI và cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

5. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

6. Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

7. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh và quy định của pháp luật về lao động.

8. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh, được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

9. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt vốn và tài sản của Công ty để kinh doanh, đầu tư theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này.

10. Từ chối yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.

11. Khiếu nại, tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

12. Các quyền khác theo quy định pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

2. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

4. Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong công ty; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động

tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VCCI ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 9. Quyền của VCCI

1. Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

2. Phê duyệt chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

3. Quyết định mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty.

4. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chủ tịch công ty, Trưởng ban kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên.

5. Phê duyệt để Chủ tịch công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm (hoặc thuê), bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc.

6. Phê duyệt chủ trương để Chủ tịch công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm (hoặc thuê), bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

7. Phê duyệt để Chủ tịch công ty quyết định ban hành bảng lương, quỹ tiền lương, thù lao của Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên.

8. Phê duyệt chủ trương về thang lương, bảng lương của người lao động làm việc tại công ty (trừ Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên).

9. Quyết định Quy chế quản lý tài chính của công ty.

10. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; việc sử dụng lợi nhuận và trích lập các quỹ hằng năm của công ty sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác; việc xử lý lỗ trong kinh doanh.

11. Thông qua các dự án đầu tư phát triển; xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm gần nhất của Công ty.

12. Thông qua chủ trương về hợp đồng vay, cho vay; thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản và các hợp đồng khác có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm gần nhất của Công ty.

13. Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác; quyết định phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật.

14. Tổ chức thực hiện giám sát, kiểm tra và đánh giá việc quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn và việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

15. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác.

16. Phê duyệt chủ trương để Chủ tịch công ty quyết định thành lập, tổ chức, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài; thành lập liên doanh giữa Công ty với các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

17. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty.

18. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

19. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 10. Nghĩa vụ của VCCI

1. Góp vốn điều lệ đầy đủ như cam kết và đúng hạn theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu phải tuân thủ Điều lệ công ty, quy định pháp luật liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

3. Xác định và tách biệt tài sản của VCCI và tài sản của Công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty.

4. Tuân thủ quy định pháp luật khi quyết định hoặc phê duyệt, thông qua việc đầu tư, mua, bán tài sản, vay, cho vay, thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty và các hoạt động khác theo thẩm quyền.

5. Bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty; bảo đảm để Chủ tịch công ty, Giám đốc chủ động quản lý, điều hành công ty có hiệu quả theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Công ty trình văn bản xin ý kiến hoặc xin phê duyệt/thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của VCCI mà Công ty chưa nhận được ý kiến của VCCI, để đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty được ổn định, liên tục theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh, đảm bảo đời sống cán bộ, nhân viên, người lao động và trách nhiệm với Nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật, Chủ tịch công ty được quyền quyết định áp dụng tạm thời quy chế, quy định theo nội dung dự thảo đã trình VCCI.

6. VCCI chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì VCCI và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

7. Trường hợp VCCI chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức, cá nhân khác hoặc Công ty kết nạp thêm thành viên mới thì Công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

8. VCCI không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

9. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC - QUẢN LÝ - HOẠT ĐỘNG

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý, người đại diện theo pháp luật

1. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty

Công ty là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, là doanh nghiệp do một tổ chức là Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) làm chủ sở hữu, được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Chủ tịch công ty, Giám đốc.

2. Người đại diện theo pháp luật

2.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch công ty và Giám đốc. Trường hợp Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc thì Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

2.2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty, VCCI về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

d) Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại của công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại tiết a), b), c) điểm 2.2 khoản 2 Điều này.

Điều 12. Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty là đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại công ty và do VCCI bổ nhiệm theo nhiệm kỳ. Thời hạn cho mỗi nhiệm kỳ của Chủ tịch công ty là năm (5) năm và có thể bổ nhiệm lại theo quy định.

2. Chủ tịch công ty nhân danh VCCI thực hiện quyền và nghĩa vụ của VCCI đối với Công ty; nhân danh Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và VCCI về thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chủ tịch công ty phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Tốt nghiệp đại học trở lên; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của công ty;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và quy định của VCCI về cán bộ lãnh đạo, quản lý.

4. Chủ tịch công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản và các nguồn lực khác do VCCI đầu tư cho Công ty;

b) Tổ chức thực hiện các quyết định của VCCI tại Công ty;

c) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo chủ sở hữu;

d) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

đ) Quyết định ban hành quy định về tổ chức cán bộ;

e) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm (hoặc thuê), bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;

g) Phê duyệt để Giám đốc quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Trưởng phòng, Phó phòng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương;

h) Quyết định ban hành bảng lương, quỹ tiền lương, thù lao của Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên;

i) Phê duyệt quỹ tiền lương của người lao động làm việc tại công ty (trừ Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng bạn kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên);

k) Phê duyệt để Giám đốc quyết định ban hành các quy chế quản lý nội bộ khác của công ty;

l) Quyết định cử Giám đốc đi công tác, học tập ở nước ngoài;

m) Quyết định thành lập, tổ chức, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở nước ngoài; thành lập liên doanh giữa Công ty với các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài sau khi có văn bản chấp thuận của VCCI và của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;

n) Phê duyệt phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, cơ cấu bộ máy quản lý, tổ chức hoạt động công ty (thành lập, sáp nhập, giải thể các phòng, ban của công ty; thành lập, tổ chức, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước của công ty; số lượng cán bộ quản lý cấp phòng, ban của công ty và của chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty);

o) Quyết định các dự án đầu tư phát triển; xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm gần nhất của Công ty sau khi được VCCI phê duyệt;

p) Quyết định hợp đồng vay, cho vay; thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản và các hợp đồng khác có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm gần nhất của Công ty sau khi được VCCI phê duyệt;

q) Phê duyệt các dự án đầu tư phát triển; xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm gần nhất của Công ty;

r) Phê duyệt hợp đồng vay, cho vay; thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản và các hợp đồng khác có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm gần nhất của Công ty;

s) Kiểm tra, giám sát Giám đốc, các Phó Giám đốc, các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy chế quản lý nội bộ, Điều lệ này và pháp luật có liên quan; có quyền đình chỉ các quyết định của Giám đốc trái với quyết định của Chủ tịch công ty;

t) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Giám đốc, Phó Giám đốc quyết định/thực hiện một hoặc một số nội dung công việc thuộc phạm vi quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch công ty.

5. Chủ tịch công ty quản lý, điều hành Công ty tuân thủ quy định của pháp luật và các quyết định của VCCI đối với công ty; quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả.

6. Chủ tịch công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc của công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch công

ty lấy ý kiến chuyên gia tư vấn trước khi quyết định vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được tính vào chi phí quản lý của công ty.

7. Trường hợp Chủ tịch công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam trên 15 ngày làm việc thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch công ty; việc ủy quyền phải được thông báo kịp thời bằng văn bản đến VCCI. Trường hợp ủy quyền khác thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của công ty.

8. Chế độ làm việc, quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tịch công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Giám đốc

1. Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chủ tịch công ty có thể kiêm Giám đốc công ty.

2. Giám đốc được bổ nhiệm với thời hạn năm (5) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Trường hợp ký hợp đồng thuê Giám đốc thì thời hạn hợp đồng được thực hiện theo Bộ luật Lao động.

3. Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Tốt nghiệp đại học trở lên; có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ từ 5 năm trở lên; có năng lực quản lý kinh doanh;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch công ty;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và các phương án đầu tư, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định;

d) Tổ chức xây dựng, quyết định ban hành các quy chế quản lý nội bộ theo phân cấp hoặc phê duyệt của Chủ tịch công ty;

đ) Quyết định ban hành thang lương, bảng lương, quỹ tiền lương của người lao động làm việc tại công ty (trừ Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên);

e) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Trưởng phòng, Phó phòng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương;

g) Quyết định phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, cơ cấu bộ máy quản lý, tổ chức hoạt động công ty (thành lập, sáp nhập, giải thể các phòng, ban của công ty; thành lập, tổ chức, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước của công ty; số lượng cán bộ quản lý cấp phòng, ban của công ty và của chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty);

h) Quyết định cử Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, người lao động đi công tác, học tập ở nước ngoài;

i) Trình báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; báo cáo tài chính hàng năm lên Chủ tịch công ty;

k) Xây dựng và trình phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh lên Chủ tịch công ty;

l) Quyết định các dự án đầu tư phát triển; xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm gần nhất của Công ty;

m) Quyết định hợp đồng vay, cho vay; thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản và các hợp đồng khác có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm gần nhất của Công ty;

n) Tuyển dụng lao động cho Công ty;

o) Đại diện công ty ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định pháp luật;

p) Quyết định phân công nhiệm vụ hoặc ủy quyền cho các Phó Giám đốc;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch công ty, Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. VCCI quyết định việc thành lập Ban kiểm soát và bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên khi cần thiết. Ban kiểm soát có từ 01 đến 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại không quá 02 nhiệm kỳ. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo đại học trở lên một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;

d) Không phải là người có quan hệ gia đình của Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định của VCCI.

3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên:

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh của công ty;

b) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của công ty;

c) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Chủ tịch công ty, Giám đốc;

d) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ các quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan;

g) Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn; hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường của công ty;

h) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này cho VCCI và Chủ tịch công ty;

i) Tham gia các cuộc họp, tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của VCCI với Chủ tịch công ty và Giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành công ty;

k) Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Chủ tịch công ty, Giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của chủ sở hữu;

l) Yêu cầu Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của công ty;

m) Yêu cầu người quản lý công ty báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty con (nếu có) khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

n) Đề nghị chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán (nếu cần) để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

o) Thực hiện quyền, nghĩa vụ khác theo yêu cầu của chủ sở hữu, quy định tại Điều lệ công ty.

4. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan khác. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và VCCI về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Điều 15. Bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc

a) Giúp việc cho Giám đốc có các Phó Giám đốc. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của công ty theo sự phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền;

b) Phó Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Tốt nghiệp đại học trở lên; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp;

- Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

2. Kế toán trưởng

a) Kế toán trưởng giúp Giám đốc tổ chức thực hiện công tác kế toán, là người đứng đầu bộ máy kế toán của công ty;

b) Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và trách nhiệm của Kế toán trưởng tuân thủ Luật Kế toán, các quy chế quản lý nội bộ của công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 16. Trách nhiệm của Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của VCCI trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và VCCI.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và VCCI; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty, VCCI về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 17. Hợp đồng, giao dịch trong hoạt động của công ty

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Chủ tịch công ty, Giám đốc và Kiểm soát viên chấp thuận:

a) VCCI và người có liên quan của VCCI;

b) Chủ tịch công ty, Giám đốc và Kiểm soát viên;

c) Người có liên quan của những người quy định tại điểm b khoản này.

2. Người nhân danh công ty ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Chủ tịch công ty, Giám đốc và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan và lợi ích có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó.

3. Chủ tịch công ty, Giám đốc và Kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có liên quan đến các bên không có quyền biểu quyết.

4. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;

b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;

c) VCCI tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 10 của Điều lệ công ty.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch và người có liên quan là các bên của hợp đồng, giao dịch liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với VCCI hoặc người có liên quan của VCCI phải được ghi chép lại và lưu giữ thành hồ sơ riêng của công ty.

Điều 18. Quản lý lao động

1. Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty theo chế độ hợp đồng lao động, được hưởng các quyền và có nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Lao động của nước CHXHCN Việt Nam và các quy chế quản lý nội bộ của công ty.

2. Giám đốc công ty là người quyết định tuyển dụng lao động (trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty), trên cơ sở người lao động có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của công ty.

Điều 19. Căn cứ và phương pháp xác định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên và người lao động làm việc tại công ty

1. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên và người lao động được hưởng căn cứ vào kết quả kinh doanh của Công ty.

2. Phương pháp xác định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên và người lao động được thực hiện theo quy chế trả lương, thù lao, thưởng và phụ cấp của Công ty.

Điều 20. Những nội dung người lao động được tham gia quản lý công ty

1. Các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm của công ty.

2. Phương án tổ chức lại, đa dạng hóa sở hữu công ty.

3. Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch công ty, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác trong công ty khi được yêu cầu.

4. Các quy chế quản lý nội bộ của công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động như:

a) Nội quy lao động, phòng chống cháy nổ,…;

b) Quy định về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các chế độ khác;

c) Các quy định về thi đua, khen thưởng;

d) Các quy định khác theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện Thỏa ước lao động tập thể của công ty.

6. Trích lập và sử dụng các quỹ khen thưởng, phúc lợi hàng năm; trích kinh phí công đoàn; trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp.

7. Ký kết và thực hiện hợp đồng lao động; xử lý kỷ luật lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.

8. Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm chi phí, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động.

9. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động.

10. Các vấn đề khác liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

Điều 21. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

1. Thông qua Hội nghị người lao động của công ty.

2. Thông qua việc tham gia của người đại diện Ban chấp hành Công đoàn của công ty trong các hội nghị triển khai, tổng kết công tác, các cuộc họp liên quan đến các nội dung tại Điều 20 Điều lệ này.

Chương V

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Điều 22. Quản lý tài chính

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu, chi, có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu đầu tư vào công ty.

2. Công ty quản lý tài chính theo quy chế quản lý tài chính của công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 23. Chế độ hạch toán kế toán

1. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 của năm đó.

2. Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ kế toán theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn của Bộ tài chính.

3. Việc thu chi tài chính của Công ty được thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty lập báo cáo tài chính năm và nộp cho VCCI và cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 24. Phân phối lợi nhuận và nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Hàng năm, lợi nhuận của công ty được dùng để nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, trích lập các quỹ và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy chế quản lý tài chính của công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Công ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng các quỹ theo đúng mục đích pháp luật quy định.

2. Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh

Công ty xây dựng phương án xử lý lỗ trong kinh doanh trình VCCI xem xét, thông qua.

Chương VI

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN

Điều 25. Giải quyết tranh chấp

1. Đối với các tranh chấp nội bộ công ty, trước hết phải được các bên thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải; nếu không thực hiện được thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

2. Đối với các tranh chấp bên ngoài, đại diện hợp pháp của công ty đại diện cho công ty trước pháp luật.

Điều 26. Giải thể, phá sản công ty

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của VCCI;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài.

3. Thủ tục giải thể công ty

3.1. VCCI thông qua nghị quyết, quyết định giải thể công ty. Nghị quyết, quyết định giải thể công ty phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của công ty;

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

đ) Họ, tên, chữ ký của chủ sở hữu công ty.

3.2. VCCI trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản công ty.

3.3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong công ty. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty.

Trường hợp công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

3.4. Các khoản nợ của công ty được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế;

c) Các khoản nợ khác.

3.5. Sau khi đã thanh toán chi phí giải thể công ty và các khoản nợ, phần còn lại thuộc về VCCI.

3.6. Người đại diện theo pháp luật của công ty gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của công ty.

3.7. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, công ty phải triệu tập họp để quyết định giải thể. Trình tự, thủ tục giải thể và thanh lý tài sản công ty theo quy định của pháp luật.

4. Phá sản công ty

Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ra quyết định ban hành và thay thế cho Điều lệ Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 0369/PTM-TCCB ngày 02/02/2007 của Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (nay là Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam).

Điều 28. Phạm vi thi hành

1. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Công ty, các đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Căn cứ Điều lệ này, Công ty xây dựng quy chế quản lý tài chính, quy định tổ chức cán bộ và các quy chế quản lý nội bộ khác cho phù hợp với hoạt động của công ty.

3. Trường hợp các văn bản khác của VCCI đã ban hành trước ngày ban hành Điều lệ này nếu có những nội dung liên quan quy định khác với các quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định tại Điều lệ này.

4. Trong trường hợp có những quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những quy định trong Điều lệ này thì những quy định pháp luật đó được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty./.

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH

Phạm Tấn Công